

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2021/DSST

Ngày: 09/7/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Y Míp Niê.

2/ Ông Nguyễn Văn Mười.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2021/TLST-DS ngày 24/02/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-DS ngày 10/6/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 59/QĐST-DS ngày 28/6/2021 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Tháp BIDV 35 Hàng V, Quận H, TP H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Hà H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T - chi nhánh Bắc Đ. (Nay là chi nhánh B).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Cao T, chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch K. (Có mặt).

(Theo quyết định ủy quyền số 1043a/BIDV.BH ngày 22/6/2021).

Bị đơn: Ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C. (Vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã Ea T, huyện K, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Hoàng Thị G.

2/ Anh Hoàng Trung D.

3/ Anh Hoàng Tuấn D.

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã E, huyện K, tỉnh Đ. (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/3/ 2019 ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C có ký kết với ngân hàng T 02 hợp đồng tín dụng để vay tổng số tiền là 920.000.000 đồng. Cụ thể:

- Khoản vay thứ 1: Theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/178932, ông Hoàng Trung H (được sự ủy quyền của bà Nguyễn Thị C) ký hợp đồng vay số tiền 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay 09 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng 25/12/2019, lãi suất vay là 10,8%/năm, Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Mục đích vay: chi tiêu sinh hoạt gia đình, mua nội thất, sửa nhà.

- Khoản vay thứ 2: Theo hợp đồng tín dụng số 02/2019/1789321 thì ông H, bà C vay thêm 470.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*), thời hạn vay 09 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng 25/12/2019, lãi suất vay là 10,5 %/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Mục đích vay: đầu tư, chăm sóc 2.1 ha cà phê, tiêu và đầu tư trồng tiêu.

Để đảm bảo khoản vay vợ chồng ông Hoàng Trung H (được con trai Hoàng Tuấn D ủy quyền bằng văn bản ngày 08/3/2017) đã ký hợp đồng thế chấp số 01/2016/1789321/HĐBĐ ngày 08/3/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/1789321/SĐBS ngày 25/3/2019 với ngân hàng, tài sản tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 10120,0 m² tại thửa đất số 18; tờ bản đồ số 33, địa chỉ: thôn Đ, xã E, huyện K, tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 335437 do UBND huyện K cấp ngày 23/3/2007 cho hộ ông Hoàng Trung H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 10800,0 m² tại thửa đất số 38; tờ bản đồ số 83, địa chỉ: xã Đ, huyện K, tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 023699 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2000 cho hộ Hoàng Trung H.

Quá trình vay vốn tại Ngân hàng, ông Hoàng Trung H, bà C chỉ mới trả được số tiền lãi là 24.607.397 đồng theo hợp đồng số 01/2019/1789321 và số tiền lãi 31.033.425 đồng theo hợp đồng số 02/2019/1789321. Số nợ gốc và lãi còn lại đến nay ông H, bà C vẫn chưa trả. Mặc dù ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần và cũng đã thương lượng để ông H, bà C giao tài sản xử lý thu hồi nợ nhưng hai bên không thống nhất. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng, bao gồm:

+ Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/1789321 ngày 25/3/2019: Gốc: 450.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 09/7/2021 là: 99.982.204 đồng.

+ Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2019/1789321 ngày 25/3/2019: Gốc: 470.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 09/7/2021 là: 109.493.250 đồng.

Tổng số nợ gốc và lãi là: 1.129.475.454 đồng.

Đồng thời ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C còn phải trả tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho ngân hàng.

Sau khi ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C trả xong nợ gốc và lãi thì ngân hàng phải trả lại ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ngân hàng.

Trong trường hợp ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng đề nghị Tòa án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hoàng Trung H, bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị G; anh Hoàng Trung D và anh Hoàng Tuấn D vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Hoàng Trung H, bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị G; anh Hoàng Trung D và anh Hoàng Tuấn D vẫn không có mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhiều lần nhưng ông Hoàng Trung H, bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị G; anh Hoàng Trung D anh Hoàng Tuấn D vẫn không tham gia tố tụng tại Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Hoàng Trung H, bà Nguyễn Thị C phải trả cho nguyên đơn khoản tiền nợ gốc đã vay và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án:

Ngày 25/3/2019 ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C ký 02 hợp đồng tín dụng với ngân hàng T để vay tổng số tiền là 920.000.000 đồng. Bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/1789321, vay số tiền 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay 09 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng 25/12/2019, lãi suất vay là 10,8%/năm, Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Mục đích vay: chi tiêu sinh hoạt gia đình, mua nội thất, sửa nhà.

- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/1789321, vay thêm số tiền vay là 470.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*), thời hạn vay 09 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng 25/12/2019, lãi suất vay là 10,5 %/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Mục đích vay: đầu tư, chăm sóc 2.1 ha cà phê, tiêu và đầu tư trồng tiêu.

Tài sản thế chấp cho ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 10120,0 m² tại thửa đất số 18; tờ bản đồ số 33, địa chỉ: thôn Đoàn Kết, xã Ea Tân, huyện Krông Năng, tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 335437 do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 23/3/2007 cho hộ ông Hoàng Trung H và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 10.800,0 m² tại thửa đất số 38; tờ bản đồ số 83, địa chỉ: xã Đliêya, huyện Krông Năng, tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 023699 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2000 cho hộ Hoàng Trung H.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hoàng Trung H chỉ mới trả được số tiền lãi là 24.607.397 đồng theo hợp đồng số 01/2019/1789321 và số tiền lãi 31.033.425 đồng theo hợp đồng số 02/2019/1789321. Số nợ gốc 920.000.000 đồng và tiền lãi còn lại đến nay ông H, bà C vẫn chưa trả. Như vậy ông H, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H, bà C phải trả cho ngân hàng T số tiền gốc đã vay chưa trả là 920.000.000 đồng, cùng với lãi suất phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử (ngày 09/7/2021) là: 209.475.454 đồng. Tổng gốc và lãi là: 1.129.475.454 đồng.

Đồng thời buộc ông H, bà C phải chịu lãi suất tiếp theo đối với số nợ gốc theo thỏa thuận của 02 hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/7/2021 cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc cho Ngân hàng.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông H, bà C đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số AH 335437 do UBND huyện K cấp ngày 23/3/2007 cho hộ ông Hoàng Trung H và quyền sử dụng đất số P 023699 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2000 cho hộ Hoàng Trung H.

Trong trường hợp ông H, bà C không trả được số nợ gốc và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp của ông H, bà C để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị Hoàng Thị G; anh Hoàng Trung D và anh Hoàng Tuấn D, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị Hoàng Thị G; anh Hoàng Trung D và anh Hoàng Tuấn D, nhưng tất cả đều vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Hoàng Thị G; anh Hoàng Trung D và anh Hoàng Tuấn D.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Hoàng Trung H và Nguyễn Thị C là người cao tuổi (đều sinh năm 1954) thuộc trường hợp được miễn án phí. Tuy nhiên ông H, bà C không đến Tòa án làm việc, không có đơn xin miễn nộp nên không có căn cứ miễn án phí cho ông H, bà C. Do đó ông Hiếu, bà Chanh phải nộp án phí theo quy định.

Ngân hàng T được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C phải liên đới trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 1.129.475.454 đồng (*Một tỷ một trăm hai mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi bốn đồng*). Trong đó:

+ Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/1789321 ngày 25/3/2019: Nợ gốc: 450.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 09/7/2021 là: 99.982.204 đồng.

+ Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2019/1789321 ngày 25/3/2019: Nợ gốc: 470.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 09/7/2021 là: 109.493.250 đồng.

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/1789321 và hợp đồng tín dụng số 02/2019/1789321 ngày 25/3/2019 kể từ ngày 10/7/2021 cho đến khi ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C trả xong nợ.

Sau khi ông Hoàng Trung H, bà Nguyễn Thị C trả xong nợ thì Ngân hàng T phải trả cho ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 335437 do UBND huyện K cấp ngày 23/3/2007 cho hộ ông Hoàng Trung H và quyền sử dụng đất số P 023699 do UBND huyện K cấp ngày 25/12/2000 cho hộ Hoàng Trung H.

[2] Trong trường hợp ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C không trả được nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/1789321/HĐBĐ ngày 08/3/2017 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/1789321/SĐBS ngày 25/3/2019 để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Ông Hoàng Trung H và bà Nguyễn Thị C phải nộp 45.884.263 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 22.540.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0015193 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đ.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang